TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số 03/2019/HNGĐ-ST Ngày 23 - 4 - 2019 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La

2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Đắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc ly hôn tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ng, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn ngày 27/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân của chị và anh S là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng trên mảnh đất của bố mẹ cho mượn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc làm ăn kinh tế. Anh S không quan tâm, chia sẻ với chị về việc nuôi dạy con

chung, về chi tiêu sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Ngoài ra, do tính chất công việc của chị Ng phải đi làm ca đêm nên anh S còn ghen tuông vô cớ, không cho chị Ng đi làm dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần, anh S cũng đã hứa khắc phục khuyết điểm này nhưng đến nay anh S không thay đổi. Đến tháng 10/2018, chị chuyển sang nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Ng xác định không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 25/12/2007, cháu Nguyễn Hoài Quỳnh H, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Nguyễn Bảo Ngọc Ph, sinh ngày 23/4/2014. Hiện nay 03 cháu đều do chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Ng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị Ng đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử BD (Việt Nam), thu nhập trung bình khoảng 7.500.000đ/tháng, đây là thu nhập ổn định.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai; phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh S thừa nhận lời trình bày của chị Ng về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Anh S cũng xác nhận hôn nhân với chị Ng là tự nguyện. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh đúng như chị Ng đã trình bày nhưng anh S thấy những mâu thuẫn này chỉ là nhỏ nhặt, vợ chồng vẫn có thể giải quyết được. Đến tháng 10/2018, chị Ng sang ở cùng với bố mẹ đẻ. Nay chị Ng yêu cầu giải quyết ly hôn với anh, anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Ng có 03 người con chung như chị Ng trình bày là đúng. Quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải thứ nhất ngày 21/01/2019, nếu ly hôn anh S đồng ý để chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng tại phiên hòa giải thứ hai ngày 25/02/2019 anh S thay đổi, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn về công việc anh S trình bày hiện anh làm nghề lái xe taxi, thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ-8.000.000đ/tháng, là thu nhập ổn định, anh sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh về nguồn thu nhập của mình.

Về tài sản, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng các quy định về thời hạn, thẩm quyền, tư cách pháp lý và nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử,

thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đối với người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Cho chị Ng ly hôn với anh S.

Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 25/12/2007, cháu Nguyễn Hoài Quỳnh H, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Nguyễn Bảo Ngọc Ph, sinh ngày 23/4/2014 cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị Ng, anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 19/4/2019 anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên toà và thông báo cho bị đơn biết. Tại phiên toà hôm nay anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân:

Chị Đinh Thị Ng và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân của chị Ng, anh S là tự nguyện, không ai bị lừa dối hay bị cưỡng ép kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Ng và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng không thống nhất được việc tạo dựng kinh tế. Anh S không quan tâm, chia sẻ với chị Ng về mọi việc trong cuộc sống gia đình. Ngoài ra, do anh S còn hay ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh chị Ng. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2018. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh S. Còn anh S không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Xét lời trình bày của chị Ng, anh S và biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HH, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn, anh S không chịu tạo dựng làm kinh tế, cũng không chia sẻ với chị Ng trong việc nuôi dạy con chung và còn có hành vi đánh vợ. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của anh chị cũng đã được chị Ng trình báo với trình quyền địa phương. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Ng, anh S có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 25/12/2007, cháu Nguyễn Hoài Quỳnh H, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Nguyễn Bảo Ngọc Ph, sinh ngày 23/4/2014. Khi ly hôn chị Ng và anh S đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Ng, anh S về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, việc chăm sóc giáo dục con chung để không ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của 03 cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thị Hoài L và cháu Nguyễn Hoài Quỳnh H đều có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Nguyễn Bảo Ngọc Ph còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị Ng cung cấp mức thu nhập ổn định thể hiện qua đơn xác nhận về thu nhập hiện nay. Tại phiên hòa giải thứ nhất ngày 21/01/2019, anh S đồng ý để chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các con sẽ đảm bảo quyền lợi tốt cho các cháu. Chị Ng không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Chị Ng, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Ng ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 25/12/2007, cháu Nguyễn Hoài Quỳnh H, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Nguyễn Bảo Ngọc Ph, sinh ngày 23/4/2014 cho chị Đinh Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Nguyễn Văn S có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Đinh Thị Ng và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Ng phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002543 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương;
- Đương sự.
- UBND xã HS, huyện TĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoài